TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 289/2018/HC-PT
Ngày: 14 - 8 - 2018
V/v "Khiếu kiện Quyết định hành chính".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy.

Ông Đỗ Đình Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 90/2018/TLPT-HC ngày 05 tháng 3 năm 2018 về khiếu kiện "Quyết định hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC- ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 583/2018/QĐ- PT ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1950.
Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Anh Lê Nhựt H, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 02 năm 2017).

- *Người bị kiện:*

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Châu Văn H1- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Ưng Hồng H2 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (Văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 4 năm 2017). (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Bà Phạm Thị B là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2016, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ kiện, người đại diện theo ủy quyền của bà B có anh Lê Nhựt H trình bày:

Ngày 26/11/1976 chồng bà B là ông Trương Văn H3 có nhận chuyển nhượng 01 công đất của bà Phạm Thị K với giá 4.000 đồng tọa lạc tại khu II, xã M, huyện C nay là khóm 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh có lập giấy tờ chuyển nhượng. Khi giao đất do ông Lê Văn T con rể bà K là người trực tiếp giao đất cho chồng bà.

Ngày 12/02/1983 chồng bà B có làm đơn xin đắp nền nhà với diện tích 50m^2 trong tổng diện tích 01 công đất đã chuyển nhượng của bà K để xây dựng nơi ở và hành nghề sửa xe, được ông Nguyễn Thanh B1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện C ký xác nhận vào ngày 08/3/1983.

Sau khi xây nhà xong thì gia đình bà vào ở đến 1990 thì Ủy ban nhân dân huyện C thông báo giải tỏa khu vực bà đang ở để xây dựng sân vận động huyện C. Nhà và đất của bà nằm trong quy hoạch nên gia đình bà chấp nhận chuyển đi nơi khác để sinh sống.

Việc chuyển nhượng đất được các con bà K xác nhận là có thật và cũng xác nhận là không có nhận tiền bồi thường của Nhà nước đối với 01 công đất đã bán cho gia đình bà. Kể từ khi Ủy ban nhân dân thu hồi 01 công đất của bà thì không có ban hành 01 văn bản nào cho gia đình bà mặc dù gia đình bà đã khiếu nại liên tục từ năm 1993 đến nay.

Đến ngày 25/4/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định 1723/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà. Không đồng ý với quyết định trên bà B khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong khi chờ đợi kết quả giải quyết thì vào ngày 17/7/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 2560/QĐ-UBND thu hồi Quyết định 1723/QĐ-UBND.

Bà B tiếp tục khiếu nại đến ngày 14/01/2016 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Công văn 46/UBND-NC với nội dung diện tích 1.000m^2 đất mà bà Phạm Thị B yêu cầu bồi thường có nguồn gốc của gia đình bà Phạm Thị K và ông Huỳnh Văn D. Năm 1986 Ủy ban nhân dân huyện trưng dụng đất của bà K với diện tích 7.096m^2 để làm sân vận động trong đó có 1.000m^2 đất bà B yêu

cầu bồi thường vào thời điểm đó bà K là người quản lý sử dụng hợp pháp nên đã ký nhận đủ số tiền bồi thường là 10.644 đồng. Đơn chuyển nhượng của ông H3 chồng bà B không ghi rõ kích thước, tứ cận nên không thể xác định được. Đơn chuyển nhượng đất ghi ngày 26/11/1976 có ghi ông Trương Văn H3 35 tuổi nhưng đơn xin đắp nền nhà ghi ngày 12/02/1983 nhưng ông H3 chỉ có 36 tuổi là không hợp lý. Đồng thời đơn chuyển nhượng đất giữa ông H3 với bà K không có người làm chứng cũng không có xác nhận của chính quyền địa phương.

Sau khi nhận được Công văn bà tiếp tục khiếu nại đến ngày 30/3/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 853/QĐ-UBND với nội dung giữ nguyên Công văn số 46/UBND-NC ngày 14/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Nay bà yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C trình bày ý kiến như sau:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của bà K. Việc bà K chuyển nhượng đất cho ông Trương Văn H3 diện tích 1.000m^2 vào năm 1976 có lập giấy tay nhưng chỉ có hai người ký không có sự cho phép hay xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Diện tích đất ông Trương Văn H3 nhận chuyển nhượng từ bà K không ghi rõ số thửa, tứ cận nên không thể xác định được. Sau khi có quy hoạch sân vận động huyện C thì Nhà nước tiến hành bồi thường cho các hộ, tại thời điểm đó hộ bà K là chủ sở hữu hợp pháp diện tích đất tranh chấp nên đã được nhận đủ số tiền bồi hoàn. Sự việc bồi hoàn xây dựng sân vận động huyện C từ thời điểm năm 1986 do vụ việc xảy ra quá lâu, ông Q là kế toán công trình hiện nay đã chết và hồ sơ bồi hoàn sân vận động hiện nay không còn đồng thời theo quy định cũng không còn bảo quản.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định 853/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 là đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C vẫn bảo lưu quyết định nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C vẫn bảo lưu Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Tại Bản án hành chính số 01/2018/HC-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/01/2018, bà Phạm Thị B kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị hủy án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lê Nhựt H đại diện cho bà Phạm Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của bà Phạm Thị B:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm: Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C được ban hành đúng trình tự, thủ tục, đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của bà B là có căn cứ. Bà Phạm Thị B kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm, anh H đại diện cho bà B không đưa ra được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Phạm Thị B, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện*: Bà Phạm Thị B khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị B đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

[2.1] *Về thẩm quyền ban hành quyết định:* Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2] *Về hình thức, trình tự, thủ tục ban hành quyết định:*

Ngày 25 tháng 4 năm 2015 sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà Phạm Thị B thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1723/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại của bà B.

Ngày 17 tháng 7 năm 2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 2560/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 1723/QĐ-UBND với lý do quyết định trên chưa đúng quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Ngày 14 tháng 01 năm 2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Công văn số 46/UBND-NC về việc trả lời đơn yêu cầu của bà Phạm Thị B.

Đến ngày 30 tháng 3 năm 2016 Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 853/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Phạm Thị B.

Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C được ban hành đúng trình tự, thủ tục.

[2.3] *Về nội dung:*

[2.3.1] Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 1.000m^2 nằm trong tổng diện tích 7.096m^2 mà trước đây Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi để làm sân vận động huyện C. Vào thời điểm Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi đất thì hộ bà Phạm Thị K là chủ sở hữu hợp pháp đối với diện tích đất trên. Sau khi thu hồi đất Nhà nước bồi hoàn cho các hộ bị thu hồi trong đó có hộ bà K đã nhận số tiền 10.644 đồng (Mười nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng) vào năm 1986. Việc ông Trương Văn H3 nhận chuyển nhượng từ bà K diện tích 1.000m^2 có lập giấy tay "Đơn chuyển nhượng đất" lập ngày 26/11/1976 giữa bà Phạm Thị K với ông Trương Văn H3 chỉ xác định là bà Phạm Thị K bằng lòng bán cho ông Trương Văn H3 01 công đất ruộng để cất nhà nhưng không xác định được tứ cận, số thửa và số tờ bản đồ nên không xác định được vị trí là ở đâu.

Trong đơn xin đắp nền nhà ngày 12/02/1983 ông Trương Văn H3 có nêu "…số đất tôi ở hiện nay đã trả lại chủ đất và số đất mà tôi xin ở là của chú bà con ông Lê Văn T34 cư ngụ khu II đã cho tôi xin đắp bằng số thước nói trên…" Như vậy phần đất 50m^2 đắp nền nhà thì ông H3 xác định là đất của ông Lê Văn T.

Ủy ban nhân dân huyện C đã xác định vào năm 1986 có trưng dụng đất của bà K với diện tích 7.096m^2 để làm sân vận động huyện C (trong đó có 1.000m^2 đất mà bà B yêu cầu bồi thường). Vào thời điểm đó bà K là người quản

lý, sử dụng hợp pháp phần đất này nên bà đã ký nhận đủ số tiền bồi thường là 10.644 đồng (Mười nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

Về việc đăng ký kê khai: Ông Trương Văn H3 và bà Phạm Thị B không có đăng ký kê khai phần đất này qua các thời kỳ năm 1983, năm 1996.

Từ đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2016 về việc bác khiếu nại của bà Phạm Thị B là có căn cứ.

[2.3.2] Bà Phạm Thị B kháng cáo cho rằng quá trình thụ lý và giải quyết vụ án do Chủ tịch UBND huyện C thay đổi từ ông Châu Văn H1 sang ông Lê Thành X nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không thực hiện việc thay đổi người đại diện theo pháp luật cho đúng quy định, chấp nhận ông Ưng Hồng H2 là người ủy quyền của ông Châu Văn H1. Hội đồng xét xử nhận thấy vào tháng 12/2017 Chủ tịch UBND huyện C là ông Lê Thành X đã có văn bản ủy quyền cho ông Ưng Hồng H2 tham gia tố tụng và tại cấp phúc thẩm cũng có ủy quyền cho ông Ưng Hồng H2 tham gia tố tụng. Chủ tịch UBND huyện C hoàn toàn đồng ý với Bản án sơ thẩm, không có kháng cáo. Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành đúng quy định của pháp luật. Ý kiến của bà B đưa ra không có cơ sở.

[3] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ. Bà B kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà B như đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị.

[4] Về án phí: Người khởi kiện là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà B phải chịu án phí sơ thẩm là chưa chính xác nên sửa một phần Bản án sơ thẩm về phần án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, Khoản 2 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của bà Phạm Thị B. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh về phần án phí.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Phạm Thị B được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Phạm Thị B số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0009535 ngày ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị B được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Hoàn lại cho bà Phạm Thị B (có Nguyễn Tiến L nộp thay) số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0015869 ngày 01/02/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
-TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh;
- NKK (1);
- NBK (1);
- Lưu HS, VP(3), 12b. (Án 18)